



**Dai-ichi Life Vietnam**  
Fund Management - **DFVN**

# *BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN* *ANNUAL REPORT*

**2019**

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**ANNUAL REPORT**

**Năm 2019**

**Year 2019**

(Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)  
(Appendix 4 as promulgated with Circular No.155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the information disclosure on securities markets)

**I. Thông tin chung / General information**

**1. Thông tin khái quát / General information**

- Tên giao dịch / <i>Trading name:</i>	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) / <i>Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited (“The Company”)</i>
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số <i>Certificate of business registration No:</i>	53/GP-UBCK
- Vốn Điều lệ / <i>Charter capital:</i>	VND 25.000.000.000
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu / <i>Owner’s capital:</i>	VND 25.000.000.000
- Chủ sở hữu / <i>Owner:</i>	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / <i>Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Ltd.</i>
- Địa chỉ / <i>Address:</i>	Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM / <i>Floor 11<sup>th</sup>, 149-151 Nguyen Van Troi, Ward 11, Phu Nhuan district, HCM City</i>
- Số điện thoại / <i>Telephone:</i>	(028) 3810 0888
- Số fax / <i>Fax:</i>	(028) 3844 9835
- Website:	<a href="http://dfvn.com.vn">http://dfvn.com.vn</a>

**Quá trình hình thành và phát triển / Incorporation and development process**

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) / *Foundation and development process (date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).*
- Ngày 10/02/2014: Công ty được cấp giấy phép thành lập bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) và được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: (i) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (ii) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán.  
*On 10<sup>th</sup> February 2014, the Company License is issued by State Securities Commission (“SSC”) with business sectors including: (i) Securities investment fund management; (ii) Securities portfolio*

management and (iii) Securities investment advisory.

- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận được UBCKNN cấp Thông báo xác lập thành lập Quỹ thành viên, tên là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam. Tuy nhiên, Quỹ đã kết thúc thời hạn hoạt động ba (03) năm và hoàn tất việc giải thể Quỹ vào ngày 28/03/2018.

*On 30<sup>th</sup> December 2014, the Company has been issued by SSC the Notification on the establishment of Equity member fund, namely Dai-ichi Life Vietnam Equity Member Fund. However, the Fund terminated the operational term of three (03) years and completed the dissolution on 28<sup>th</sup> March 2018.*

- Ngày 16/10/2018: Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”).

*On 16<sup>th</sup> October 2018, the Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”).*

- Ngày 03/01/2019: Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”).

*On 03<sup>rd</sup> January 2019, the Company has been issued by SSC the Certificate of the establishment of Public Fund for DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”).*

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Lines and locations of the business:**

- **Ngành nghề kinh doanh / Lines of the business** (Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / Specify major lines of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):
  - Nghiệp vụ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán / Business of securities portfolio management;
  - Nghiệp vụ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán / Business of securities investment fund management
- **Địa bàn kinh doanh / Location of business** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):
  - Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh / The Company has business location mainly in Ho Chi Minh city.

## **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / Information about governance model, business organization and managerial apparatus**

- **Mô hình quản trị / Governance model**
  - (a) Hội đồng Thành viên / Member’s Council;
  - (b) Kiểm soát viên / Inspector;
  - (c) Tổng Giám đốc điều hành / Chief Executive Officer.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý / Management structure**
  - (a) Hội đồng Thành viên / Member’s Council;
  - (b) Kiểm soát viên / Inspector;
  - (c) Tổng Giám đốc điều hành / Chief Executive Officer;
  - (d) Các phòng ban bao gồm: (i) Đầu tư; (ii) Kiểm soát Nội bộ; (iii) Nghiệp vụ; (iv) Phát triển kinh doanh và (v) Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / The divisions include: (i) Investment; (ii) Internal Control; (iii) Operation; (iv) Business Development and (v) Corporate Planning and Risk Management.
- **Các công ty con, công ty liên kết / Subsidiaries, associated companies**
  - Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết / The Company currently does not have any

subsidiaries, associated companies.

#### 4. Định hướng phát triển / Development orientations

##### – Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company

- Trở thành Công ty Quản lý Quỹ thuộc nhóm dẫn đầu về uy tín và hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng; không ngừng phát triển và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

*To become a Fund Management Company in the leading group which brings customers the prestige and investment efficiency; continuously develop and improve the organizational structure, professional working environment, risk management policy in accordance with international standards in order to meet the customer needs which are increasing and diverse.*

##### – Chiến lược phát triển trung và dài hạn / Development strategies in medium and long term

- Duy trì kết quả đầu tư vượt trội / Maintain outstanding investment results

Công ty đang được ủy thác quản lý tài sản từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bao gồm các Quỹ liên kết đơn vị thuộc Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đầu tư. Hiện tại, Công ty đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN-CAF”), là loại hình Quỹ mở nhằm mang đến cho nhà đầu tư, đặc biệt là các khách hàng cá nhân trong nước cơ hội đầu tư sinh lời trên Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam. Trong năm 2019 danh mục đầu tư của khách hàng tổ chức, các quỹ đầu tư do Công ty quản lý đều đạt hiệu quả đầu tư cao. Kế hoạch năm 2020, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, tìm kiếm cơ hội để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư của tài sản ủy thác và (các) quỹ đầu tư hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng và nhà đầu tư.

*The Company manages the capital entrusted by Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Limited, including Unit-link Fund of investment-linked investment product. Currently, the Company is managing DFVN Capital Appreciation Fund (“DFVN-CAF”, in the form of Open-ended Fund) in order to bring investors, especially local investors, opportunities for profitable investment on Vietnam securities market. In 2019, portfolio of institutional customer and funds, which are managed by the Company, achieve the high investment efficiency. As the plan for year 2020, the Company will make the more effort, look for investment opportunities in order to continuously maintain and enhance the investment efficiency of the asset under management, fund assets to adopt customer needs better and better.*

- Chú trọng phát triển sản phẩm đầu tư phục vụ khách hàng cá nhân trong nước / Focus on developing investment products affordable for individual customers

TTCK Việt Nam trong vài năm trở lại đây cho thấy sự phát triển mạnh và bền vững hơn, trở thành một trong những kênh đầu tư mang lại hiệu quả sinh lời tốt nhất. Tuy nhiên, thống kê cho thấy, tỷ trọng người dân Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ những cơ hội đầu tư trên TTCK để tích lũy tài sản làm giàu cho tương lai là không nhiều. Nguyên nhân là do (1) Phần lớn trong số họ bị hạn chế về thời gian, kiến thức, kinh nghiệm và thông tin thị trường; (2) Một số khác lại có xu hướng tự đầu tư và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trên mức hợp lý với hy vọng làm giàu nhanh chóng. Công ty sẽ nỗ lực không ngừng nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ (Quỹ mở, Quỹ Hưu trí tự nguyện...) chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích lũy tài sản cho cuộc sống tương lai của rất nhiều người dân Việt Nam.

*The Vietnam securities market in recent years has shown a stronger, sustainable development and becomes one of the best investment channels with the high profitability. However, the statistic has shown that the proportion of Vietnamese people participating in and benefiting from the securities market to accumulate the capital for future enrichment is not a large number. The reason is that (1)*

most of them are limited to time, knowledge, experience and market information; (2) Others tend to invest on their own and are willing to take risks on the reasonable basis to get rich quick as their wish. The Company will endeavor to provide the high-quality products and services (Open-ended fund, Voluntary pension fund...) to meet the demand for investment and asset accumulation for the future life of many Vietnamese people.

Sau khi cho ra đời loại hình Quỹ mở, Công ty cũng tiếp tục nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý, điều kiện thị trường, mô hình kinh doanh và các bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quỹ Hưu trí Bổ sung Tự nguyện phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam.

After the Open-ended fund has established, the Company continues to conduct the steps for researching about legal framework, market condition, business concept and the preparation for Additional voluntary pension fund which will be suitable for the conditions in Vietnam.

- **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community sustainability**
- Công ty luôn chú trọng tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc định hướng phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.  
*The Company always focuses on community responsibilities in the orientation of business development in order to ensure the best benefits for customer, investor and other related parties.*

## 5. Các rủi ro / Risks:

- **Nhóm rủi ro chiến lược / Strategic risk group**

Đây là nhóm rủi ro cao mà Công ty có thể phải gánh chịu dẫn đến hậu quả Công ty có sự quyết định chiến lược không phù hợp hoặc Công ty không thể hoàn thành một cách thành công chiến lược đã đề ra. Ví dụ:

*This is the high-level risk group that the Company makes inappropriate strategic choices or is unable to successfully implement selected strategies. For example:*

- Rủi ro môi trường kinh tế: là rủi ro do sự suy thoái đột ngột của nền kinh tế.
- *Economic environment risk: the risk for the loss due to a sudden downturn of the economy.*

- **Nhóm rủi ro tài chính / Financial risk group**

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại đe dọa đến tình hình tài chính của Công ty. Ví dụ:

*This is the risk group for the loss which shall make a threat to current financial status. For example:*

- Rủi ro thanh khoản / tín dụng: là rủi ro bị lỗ tiền vốn gốc hoặc khoản tiền lời do đối tác không thanh toán tiền hoặc không tuân theo nghĩa vụ theo hợp đồng.  
*Default / Credit risk: the risk for the loss of principal or financial reward stemming from a debtor's failure to repay money or otherwise meet a contractual obligation.*
- Rủi ro thị trường: là rủi ro gây ra thiệt hại do sự biến động giá thị trường của tài sản hoặc công cụ tài chính.  
*Market risk: the risk for the loss due to movements of market price of assets or financial tools.*
- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro trong đó Công ty không thể bán tài sản hoặc chuyển đổi tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý do thiếu tính thanh khoản.  
*Liquidity risk: the risk in which the Company is unable to sell assets or convert them into cash with reasonable value due to liquidity shortage.*
- Rủi ro chi tiêu: rủi ro trong kế hoạch kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi các chi phí bất ngờ phát sinh vượt quá số tiền ngân sách.

*Expenditure risk: the risk in which the Company business plan is affected by unexpected costs incurred in excess of budgeted amount.*

- **Nhóm rủi ro hoạt động / Operational risk group**

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại do lỗi quá trình tác nghiệp nội bộ, con người, hệ thống hoặc các yếu tố bên ngoài. Ví dụ:

*This is the risk group for the loss from inadequate or failed internal processes, people and systems or from external factors. For example:*

- Rủi ro con người: là rủi ro gây ra thiệt hại do thiếu hụt nhân viên có trình độ.  
*Human resource risk: the risk for the loss due to shortage of qualified employees.*
- Rủi ro lỗi hệ thống: là rủi ro gây ra thiệt hại bởi lỗi vận hành trong quá trình quản lý danh mục đầu tư hoặc quản lý quỹ đầu tư.  
*Operational error risk: the risk for the loss due to operational errors in the process of portfolio or fund management.*
- Nhóm rủi ro công nghệ: là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại liên quan đến IT.  
*IT risk group: the risk group for the loss related to IT issues.*

- **Nhóm rủi ro tuân thủ / Compliance risk group**

Đây là nhóm rủi ro do Công ty hoặc nhân viên Công ty không tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ quỹ, bản cáo bạch, quy định nội bộ.

*This is the risk group in which the Company or employees does not comply with the legal regulations, fund charter, prospectus, internal rules.*

## II. **Tình hình hoạt động trong năm 2019 / Business operations of year 2019**

### 1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh / Situation of production and business operations**

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm / Results of business operations in the year:**

- Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư: Trong năm 2019, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 42,04 tỷ đồng (trong đó doanh thu quản lý danh mục đầu tư là 40,83 tỷ đồng chiếm 97% tổng doanh thu, doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là 1,20 tỷ chiếm 3% tổng doanh thu), tăng 10,61% so với năm 2018. Công ty phát triển doanh thu theo định hướng bền vững, doanh thu tăng trong khi vẫn đảm bảo an toàn và luôn kiểm soát được rủi ro. Trong năm 2019, Công ty tiếp tục hoàn thành việc tăng trưởng doanh thu trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, kết quả là đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2018.

*For the operation of portfolio management: In 2019, the total revenue reached VND42.04 billion (from portfolio management operation and fund management operation reached VND40.83 billion which accounted 97% of total revenue; and VND1.20 billion which accounted 3% of total revenue respectively), increased 10.61% comparing to year 2018. The revenue is developed by the Company based on the sustainability orientation, this means that the revenue increases while securing the capital and controlling risks. In 2019, the Company continues to complete the mission of revenue development in portfolio management operation, and the result is that there is a considerable increase in revenue comparing to year 2018.*

### 2. **Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource**

- **Danh sách Ban điều hành / List of the Board of Management**

- Ông Trần Châu Danh – Tổng Giám đốc điều hành / Mr. Tran Chau Danh – Chief Executive Officer;
- Ông Masafumi Takeshita – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / Mr. Masafumi Takeshita – Assistant Director, Head of Corporate Planning and Risk Management

Division;

- Ông Đặng Vị Thanh – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Kinh doanh / *Mr. Dang Vi Thanh – Assistant Director, Head of Business Development*

– **Những thay đổi trong Ban điều hành / Changes in the Board of Management**

- Trong năm 2019, Công ty có sự bổ nhiệm mới đối với Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro.

*In year 2019, the Company has the new appointment of Head of Corporate Planning and Risk Management Division.*

- **Số lượng nhân viên trong Công ty tính đến cuối năm 2019** là 18 người. Công ty luôn cố gắng xây dựng, phát triển chính sách nhân sự đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.

*The number of the Company employees as of ending year 2019 is 18 persons. The Company always tries to establish, develop HR policies to ensure the better benefits for employees.*

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / Investment activities, project implementation**

- Năm 2019, Công ty đầu tư tài chính ngắn và dài hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước bằng VNĐ. Tổng số tiền đầu tư là 71,7 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư của Công ty mang tính an toàn, mang lại nguồn vốn ổn định cho Công ty.

*In 2019, the Company has the short and long-term financial investments at local Joint Stock Commercial Banks. The invested capital is VND71.7 billion. The investment activities of the Company has the nature of safety and brings the stable income to the Company.*

**4. Tình hình tài chính / Financial situation**

**a) Tình hình tài chính / Financial situation**

(Đơn vị tính / Unit: VND)

Chỉ tiêu / Financial Figure	Năm / Year 2018	Năm / Year 2019	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản / Total asset	77,046,253,953	92,348,599,121	19.86%
Nợ phải trả / Total Liability	6,743,439,184	7,121,893,932	5.61%
Doanh thu / Revenue	38,009,169,067	42,043,448,223	10.61%
Thuế và các khoản phải nộp / Taxes and payables	(3,787,919,562)	(3,993,435,181)	5.43%
Lợi nhuận trước thuế / Before tax profit	18,771,476,054	18,917,325,601	0.78%
Lợi nhuận sau thuế / After tax profit	14,983,556,492	14,923,890,420	-0.40%

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / Major financial benchmarks**

Chỉ tiêu / <i>Financial Figure</i>	Năm / <i>Year 2018</i>	Năm / <i>Year 2019</i>	Ghi chú / <i>Note</i>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán / <i>Solvency ratio</i></b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset / Short term debt</i> )	10.99	11.38	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn / <i>Capital structure Ratio</i></b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	8.75%	7.71%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owners' Equity ratio</i> )	9.59%	8.36%	
<b>3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời / <i>Target on Profitability</i></b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/Net revenue Ratio</i> )	39.42%	35.50%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/total capital Ratio</i> )	21.31%	17.51%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/Total assets Ratio</i> )	19.45%	16.16%	
<b>4. Quy mô vốn / <i>Capital scale</i></b>			
Vốn Điều lệ / <i>Charter capital</i>	VND 25,000,000,000	VND 25,000,000,000	
Tổng tài sản có / <i>Total assets</i>	VND 77,046,253,953	VND 92,348,599,121	
<b>5. Khả năng thanh khoản / <i>Solvency</i></b>			
Khả năng thanh toán ngay / <i>Short term solvency</i>	2.54	2.45	
Khả năng thanh toán chung / <i>General solvency</i>	2.38	2.26	

**5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty / *Report related impact of the Company on the environment and society***

**5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường / *Compliance with the law on environmental protection*:**

- **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment*:**  
Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *The Company has not been fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

**5.2. Chính sách liên quan đến người lao động / *Policies related to employees***

**a) Số lượng cán bộ, nhân viên trong công ty đến cuối năm 2019 / *The number of Company employee as of the ending of year 2019*:** 18 người / *18 persons.*

**b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / *Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers***

- Công ty có chính sách về quyền lợi cho người lao động đảm bảo về môi trường làm việc an toàn, sức khỏe, phúc lợi và chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn giúp người lao động luôn được bảo vệ trước những rủi ro trong công việc và cuộc sống.  
*The Company has the policies about the employee's benefits to ensure the safety environment working, health, compensation and the policy of health care, accident insurance which helps the*



employees protected by unexpected risks in work and life.

### **c) Hoạt động đào tạo người lao động / Training employees**

- **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên / The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.**
  - Công ty luôn khuyến khích người lao động học tập, phát triển bản thân và không giới hạn số lượng giờ đào tạo cho mỗi học viên. Công ty có chính sách hỗ trợ để người lao động có cơ hội được học tập nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân.  
*The Company always encourages employees in learning, developing; the training hours are not limited to each trainee. The Company has the policy to support employees in learning opportunities to improve their professional capacity and develop.*
  
- **Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp / The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.**
  - Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến chứng khoán và quản lý quỹ. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty luôn có cơ hội tham gia đào tạo nội bộ về năng lực và kỹ năng mềm.  
*The Company provides suitable conditions to attend training courses in the major of securities and fund management. In addition, the employees have opportunity to attend training courses of soft skill and capacity.*

### **5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on**

**responsibility for local community:** Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng / *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty hiện đang tham gia và đóng góp vào Quỹ Vì Cuộc sống Tươi đẹp. Đây là Quỹ từ thiện, xã hội phi lợi nhuận, hoạt động trên cơ sở tự nguyện, tự trang trải kinh phí nhằm phục vụ cho các mục đích hỗ trợ cộng đồng địa phương trong một số lĩnh vực giáo dục, sức khỏe y tế, môi trường và các hoạt động xã hội từ thiện khác nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.  
*The Company currently participates and contributes in the For Better Life Foundation. This is a non-profit charitable, society fund which operates on a voluntary, self-funded basis to support the local community in number fields of education, health care, environment and other social charity activities in order to enhance the quality of life for people.*

## **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty / The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results**

- **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây / General analysis of company's operations against the targets and previous operating results**
  - Tổng doanh thu công ty năm 2019 đạt 42,04 tỷ đồng, tăng 10,61% so với doanh thu năm 2018. Trong đó, doanh thu trong cả 02 hoạt động quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ đều tăng.  
*The Company revenue of year 2019 reaches VND42.04 billion, increased 10.61% comparing to*

year 2018. Whereas, the revenue of the operation of portfolio and fund management increase.

- **Những tiến bộ công ty đã đạt được / The Company's achievements**

- Kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động / *Effective control of operation expenses;*
- Tăng trưởng doanh thu / *Growth in revenue;*
- Định hướng phát triển bền vững / *Orientation for sustainable development.*

**2. Tình hình tài chính / Financial Situation**

**a) Tình hình tài sản/ Assets:**

- Tổng tài sản: Tính đến ngày 31/12/2019 là 92,3 tỷ đồng, tăng 19,86% so với năm 2018 / *The total asset: VND92.3 billion VND as of 31<sup>st</sup> December 2019, increases 19.86% comparing to year 2018.*
- Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 16,16% / *The Return on Asset (ROA) is 16.16%.*
- Vốn chủ sở hữu: 85,2 tỷ (tại ngày 31/12/2019), tăng 21,23% so với năm 2018 / *The shareholder capital is VND85.2 billion (as of 31<sup>st</sup> December 2019), increased 21.23% comparing to year 2018.*
- Lợi nhuận sau thuế: 14,92 tỷ (tại ngày 31/12/2019), giảm 0,4% so với năm 2018 / *The profit after tax is VND14.92 billion (as of 31<sup>st</sup> December 2019), decreased 0.4% comparing to year 2018.*

**b) Tình hình nợ phải trả / Liabilities**

- Tổng nợ phải trả của công ty tính đến 31/12/2019 là 7,12 tỷ.  
*Total liability of the Company as of 31<sup>st</sup> December 2019 is VND7.12 billion.*
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 7,71% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 8,36%. Nợ phải trả chiếm một tỉ trọng không đáng kể so với Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu.  
*Debt/Total assets ratio is 7.71% and Debt/Total shareholder capital is 8.36%. The liability accounted a trival proportion comparing to Total asset and Shareholder capital.*
- Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.  
*The Company does not have any outstanding debts which impact the exchange rate changes on operating result of the Company, and the cost of borrowing to the Company's results.*

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / Improvements in organizational structure, policies, management**

- Công ty thường xuyên rà soát lại các quy định, chính sách nội bộ và thực hiện sửa đổi quy định nếu cần thiết để đảm bảo phù hợp hoạt động của Công ty.  
*The Company often reviews the internal policies, rules and amends rules in case that it is necessary to ensure be suitable for the Company operation.*

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / Development plans in the future**

- Công ty hoạt động kinh doanh với định hướng an toàn, hiệu quả tạo nên sự phát triển bền vững, lâu dài.  
*The Company operates in a safe and effective manner, creates a sustainable and long-term development.*

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) / Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved)**

Không có / None

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty / Assessment Report related to environmental and social responsibility of the Company**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) / Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).**

- Tuy là một Công ty Quản lý quỹ, hoạt động kinh doanh hầu như không có ảnh hưởng đến môi trường nhưng Công ty luôn xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.  
*Although the Company is a type of fund management company and the operation business do not have any impact on environment, but the Company always establishes the culture of environmental protection.*
- Công ty luôn tuân thủ những quy định về môi trường.  
*The Company always complies with the regulations of environment.*

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động / Review concerning the problems of workers**

- Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc tốt cho người lao động như đã đề cập ở Mục II, Điều 5.2 ở trên.  
*The Company always makes effort to create a good working environment for employees as mentioned in Section II, Article 5.2 above.*

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương / Review concerning corporate responsibility towards the local community**

- Công ty đã có những đóng góp cho cộng đồng như đã đề cập Mục II, Điều 5.3 ở trên.  
*The Company had the contributions for community as mentioned in Section II, Article 5.3 above.*

**IV. Báo cáo tài chính / Financial statements**

- 1. Ý kiến kiểm toán / Auditor's opinions:** Phụ lục 1 / Appendix 1
- 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán / Audited financial statements:** Phụ lục 2 / Appendix 2

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE**



*Trần Châu Danh*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 / ANNUAL REPORT YEAR 2019*

# PHỤ LỤC 1 / APPENDIX 1

*Báo cáo Kiểm toán độc lập / Independent Auditors' Report*



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Chủ sở hữu  
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi  
Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


### Vấn đề khác


Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00140-20-1



  
Chong Kwang Puay  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0864-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 / ANNUAL REPORT YEAR 2019

# PHỤ LỤC 2 / APPENDIX 2

*Báo cáo Tài chính được kiểm toán / Audited Financial Statements*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

53/GP-UBCK  
15/GPĐC-UBCK  
47/GPĐC-UBCK

ngày 10 tháng 2 năm 2014  
ngày 14 tháng 7 năm 2015  
ngày 11 tháng 7 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Trần Đình Quân

Chủ tịch  
(từ ngày 7 tháng 1 năm 2020)

Ông Takashi Fujii

Thành viên  
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2020)

Ông Seigo Fujimaru

Thành viên  
(từ ngày 7 tháng 1 năm 2020)

Ông Yotaro Numata

Chủ tịch  
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2020)

Ông Shigeo Tsuyuki

Thành viên  
(từ ngày 22 tháng 3 năm 2019)

Ông Trần Châu Danh

Thành viên  
(đến ngày 21 tháng 3 năm 2019)

Thành viên

Thành viên

**Tổng Giám đốc**

Ông Trần Châu Danh

**Người đại diện theo pháp luật**

Ông Trần Châu Danh

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi  
Phường 11, Quận Phú Nhuận  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam





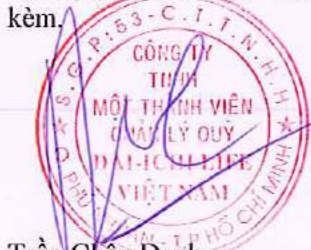
**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2020

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B01 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	<b>100</b>		<b>74.436.548.140</b>	<b>69.320.699.502</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.394.169.792	122.272.140
Tiền	111		1.394.169.792	122.272.140
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.500.000.000	56.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	61.500.000.000	56.900.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.400.117.753	11.308.175.024
Trả trước cho người bán	132		-	90.015.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	5.941.648.981	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	4.458.468.772	4.689.564.474
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.142.260.595	990.252.338
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	1.142.260.595	990.252.338
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>17.912.050.981</b>	<b>7.725.554.451</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	606.500.000
Phải thu dài hạn khác	218	9	5.000.000	606.500.000
Tài sản cố định	220		2.965.987.132	2.905.182.553
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.425.680.552	578.718.593
Nguyên giá	222		2.259.752.000	1.118.777.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(834.071.448)	(540.058.407)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.540.306.580	2.326.463.960
Nguyên giá	228		4.558.108.148	4.501.858.148
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.017.801.568)	(2.175.394.188)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.801.688.432	3.330.015.737
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.801.688.432	3.330.015.737
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.200.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	258	5(b)	10.200.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		939.375.417	883.856.161
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	755.200.252	651.195.348
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	184.175.165	232.660.813
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>92.348.599.121</b>	<b>77.046.253.953</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B01 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2019 VND</b>	<b>31/12/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>7.121.893.932</b>	<b>6.743.439.184</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.541.893.932</b>	<b>6.308.439.184</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	647.766.842
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.347.375.564	1.445.406.896
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.877.684.826	4.018.016.064
Phải trả ngắn hạn khác	319		316.833.542	197.249.382
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>580.000.000</b>	<b>435.000.000</b>
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	16	580.000.000	435.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>85.226.705.189</b>	<b>70.302.814.769</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>85.226.705.189</b>	<b>70.302.814.769</b>
Vốn góp	411	17	25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.276.218.979
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.500.000.000	2.276.218.979
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.226.705.189	40.750.376.811
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>92.348.599.121</b>	<b>77.046.253.953</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B01 – CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	19	13.656.856.169	7.846.510.442
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		13.656.856.169	7.846.510.442
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20	162.830.087.348	144.455.865.174
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		162.830.087.348	144.455.865.174
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	21	998.233.569	524.244.425
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22	11.938.401.752	7.547.822.100

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán tổng hợp  
kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

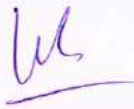
**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B02 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

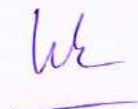
	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>42.043.448.223</b>	<b>38.009.169.067</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.855.444.631	3.543.914.746
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	27.893.070.557	22.781.607.759
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 – 25)</b>	<b>30</b>		<b>19.005.822.297</b>	<b>18.771.476.054</b>
Thu nhập khác	31		4.700.003	-
Chi phí khác	32		93.196.699	-
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(88.496.696)</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>18.917.325.601</b>	<b>18.771.476.054</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.944.949.533	3.972.612.594
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	26	48.485.648	(184.693.032)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>14.923.890.420</b>	<b>14.983.556.492</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
*Kế toán tổng hợp  
 kiêm Kế toán trưởng*



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B03 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.917.325.601	18.771.476.054
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.136.420.421	1.068.205.703
Các khoản dự phòng	03	145.000.000	145.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.855.321.473)	(3.543.914.746)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.343.424.549	16.440.767.011
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.564.466.540	(2.584.388.349)
Tăng các khoản phải trả	11	758.234.650	967.116.043
Tăng chi phí trả trước	12	(5.363.161)	(280.364.778)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.072.612.593)	(3.817.272.643)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.588.149.985</b>	<b>10.725.857.284</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(2.316.664.537)	(3.401.920.895)
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(71.700.000.000)	(30.200.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	56.900.000.000	21.500.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	4.800.412.204	1.403.055.234
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12.316.252.333)</b>	<b>(10.698.865.661)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)</b>	<b>50</b>	<b>1.271.897.652</b>	<b>26.991.623</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>122.272.140</b>	<b>95.280.517</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>1.394.169.792</b>	<b>122.272.140</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán tổng hợp  
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Mẫu B05 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số dư cuối năm	
	1/1/2018	1/1/2019	2018		2019		31/12/2018	31/12/2019
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn góp	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	- 25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	1.527.041.154	2.276.218.979	749.177.825	-	223.781.021	-	- 2.276.218.979	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.527.041.154	2.276.218.979	749.177.825	-	223.781.021	-	- 2.276.218.979	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.265.175.969	40.750.376.811	14.983.556.492	(1.498.355.650)	14.923.890.420	(447.562.042)	40.750.376.811	55.226.705.189
	<b>55.319.258.277</b>	<b>70.302.814.769</b>	<b>16.481.912.142</b>	<b>(1.498.355.650)</b>	<b>15.371.452.462</b>	<b>(447.562.042)</b>	<b>70.302.814.769</b>	<b>85.226.705.189</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:

*Wk*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán tổng hợp  
 kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 25.000 triệu VND.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

**(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2018: 16 nhân viên) trong đó có 14 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2018: 13 nhân viên).



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(e) Hình thức sổ kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ trích lập dự phòng</b>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 4 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 – 5 năm

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng thời gian từ 2 đến 4 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) và Thông tư số 146/2014/TT-BTC (“Thông tư 146”) ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2017/015 ngày 29 tháng 12 năm 2017.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(o) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư**

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

**(t) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.309.375.701	37.565.047
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.794.091	84.707.093
	1.394.169.792	122.272.140

**5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	52.000.000.000	56.900.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	9.500.000.000	-
	61.500.000.000	56.900.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 7,3% đến 7,5% (31/12/2018: từ 6,4% đến 7,0%).

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	10.200.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm là 7,95%.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	5.839.166.602	6.528.595.550
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF (“DFVN – CAF”) (ii)	102.482.379	-
	5.941.648.981	6.528.595.550

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	3.889.968.772	3.835.059.503
Tạm ứng cho người lao động (i)	560.500.000	846.000.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác	8.000.000	8.504.971
	4.458.468.772	4.689.564.474

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba tháng là 160.500.000 VND.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**8. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Phí bảo trì phần mềm	819.760.331	781.670.759
Phí truy cập dữ liệu	103.455.000	184.381.579
Chi phí khác	219.045.264	24.200.000
	1.142.260.595	990.252.338

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	376.435.065	274.760.283	651.195.348
Tăng trong năm	120.381.800	506.300.900	626.682.700
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 12)	9.775.000	-	9.775.000
Phân bổ trong năm	(251.670.786)	(280.782.010)	(532.452.796)
Số dư cuối năm	254.921.079	500.279.173	755.200.252

**9. Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tạm ứng cho người lao động	-	601.500.000
Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000
	5.000.000	606.500.000

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	228.519.500	890.257.500	1.118.777.000
Tăng trong năm	-	1.140.975.000	1.140.975.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>228.519.500</b>	<b>2.031.232.500</b>	<b>2.259.752.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	23.804.115	516.254.292	540.058.407
Khấu hao trong năm	57.129.875	236.883.166	294.013.041
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>80.933.990</b>	<b>753.137.458</b>	<b>834.071.448</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	204.715.385	374.003.208	578.718.593
Số dư cuối năm	147.585.510	1.278.095.042	1.425.680.552

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	4.501.858.148
Tăng trong năm	56.250.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.558.108.148
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.175.394.188
Khấu hao trong năm	842.407.380
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.017.801.568
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	2.326.463.960
Số dư cuối năm	1.540.306.580
	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 417.200.000 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	3.330.015.737
Tăng trong năm	481.447.695
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 8(b))	(9.775.000)
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.801.688.432
	<hr/> <hr/>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh chi phí nâng cấp phần mềm Portia phục vụ cho hoạt động quản lý đầu tư của Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	68.175.165	145.660.813
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	116.000.000	87.000.000
		<u>184.175.165</u>	<u>232.660.813</u>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế thu nhập cá nhân	72.794.301	2.158.952.474	(2.129.320.744)	102.426.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.372.612.595	3.944.949.531	(4.072.612.593)	1.244.949.533
Thuế khác	-	225.291.383	(225.291.383)	-
	<u>1.445.406.896</u>	<u>6.329.193.388</u>	<u>(6.427.224.720)</u>	<u>1.347.375.564</u>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	4.536.809.000	3.289.712.000
Chi phí khác	340.875.826	728.304.064
	<u>4.877.684.826</u>	<u>4.018.016.064</u>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**16. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	435.000.000	290.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	145.000.000	145.000.000
Số dư cuối năm	580.000.000	435.000.000

**17. Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2019 và 31/12/2018	
	Được duyệt và đã góp VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam “DLVN”	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Trong vòng một năm	576.684.000	570.084.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.021.400.500	1.591.484.500
	1.598.084.500	2.161.568.500

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**19. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

Bao gồm trong tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác có các khoản tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	13.656.856.169	7.846.510.442

Biến động tiền gửi ngân hàng của các nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
<b>Số dư đầu năm</b>	7.846.510.442	2.094.011.835
<b>Tăng trong năm</b>	193.458.964.155	284.378.548.157
<i>Nhận tiền từ bán chứng khoán</i>	144.196.230.211	230.183.397.115
<i>Nhận tiền từ thanh lý hợp đồng tiền gửi</i>	26.900.000.000	42.980.000.000
<i>Cổ tức nhận được</i>	1.885.323.726	2.003.946.894
<i>Lãi trái phiếu nhận được</i>	2.782.000.000	2.782.000.000
<i>Lãi tiền gửi nhận được</i>	1.634.265.753	2.878.592.197
<i>Tăng vốn từ nhà đầu tư ủy thác</i>	16.465.033.213	3.550.611.951
<b>Giảm trong năm</b>	(187.648.618.428)	(278.626.049.550)
<i>Chi cho hợp đồng tiền gửi</i>	(30.270.000.000)	(31.900.000.000)
<i>Chi mua chứng khoán</i>	(154.605.613.983)	(226.801.940.399)
<i>Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác</i>	(2.250.000.000)	(18.800.000.000)
<i>Phí lưu ký</i>	(499.669.265)	(1.102.725.151)
<i>Phí ngân hàng</i>	(23.335.180)	(21.384.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	13.656.856.169	7.846.510.442



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**20. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>		
<b>Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</b>		
▪ Cổ phiếu niêm yết (*)	95.867.222.548	80.863.000.374
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá</i>	46.673.591.952	53.735.996.761
▪ Trái phiếu Chính phủ	36.692.864.800	36.692.864.800
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.220.000.000	26.100.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu	6.200.000.000	-
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	850.000.000	800.000.000
	162.830.087.348	144.455.865.174

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(\*) Chi tiết danh mục cổ phiếu niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác như sau:

Mã	Cổ phiếu niêm yết	31/12/2019		31/12/2018		Giá trị thị trường VND
		Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND	
VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	57.000	6.989.377.960	52.000	6.244.405.312	6.240.000.000
VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	123.000	6.882.279.862	110.000	5.172.658.994	5.885.000.000
VTC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	71.093	5.583.715.436	94.093	5.674.646.657	8.967.062.900
VHM	Công ty Cổ phần Vinhomes	62.000	5.446.404.503	100.500	8.553.561.292	7.376.700.000
FPT	Công ty Cổ phần FPT	95.000	5.205.365.065	42.000	2.081.285.698	1.772.400.000
PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	57.003	4.715.577.847	10.000	1.028.573.770	932.000.000
VPB	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	219.754	4.570.905.715	74.004	1.613.652.541	1.476.379.800
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	118.000	4.273.431.822	-	-	-
TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	165.000	4.264.136.958	105.000	3.335.645.975	2.714.250.000
MWG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	39.000	4.160.872.162	30.000	2.518.117.785	2.610.000.000
SAB	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	14.000	3.287.002.076	17.000	4.016.349.068	4.547.500.000
HPG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	139.000	3.263.067.425	63.000	2.050.600.717	1.949.850.000
MBB	Ngân hàng TMCP Quân đội	155.006	3.187.410.169	106.080	2.292.834.996	2.063.256.000
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	32.000	2.977.244.455	57.000	5.153.983.831	4.936.200.000
VRE	Công ty Cổ phần Vincome Retail	74.000	2.552.412.650	42.950	1.397.215.446	1.198.305.000
HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	82.000	2.322.110.891	15.000	462.216.286	454.500.000
ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu	95.000	2.301.657.790	58.000	1.880.080.064	1.716.800.000
CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	95.000	2.064.407.811	39.000	900.305.745	752.700.000
VJC	Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	16.000	1.930.944.765	12.300	1.582.158.455	1.476.000.000
NLG	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	60.133	1.642.208.192	6	189.608	154.800
KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang	60.000	1.490.400.912	27.000	839.282.038	891.000.000

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Mã	Cổ phiếu niêm yết	31/12/2019			31/12/2018		
		Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND
	Điện						
GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	53.000	1.432.919.084	1.234.900.000	31.000	836.085.809	810.650.000
REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	39.000	1.350.991.254	1.415.700.000	54.000	1.783.479.458	1.663.200.000
PDR	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	50.000	1.328.439.675	1.310.000.000	3.300	104.038.380	84.150.000
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	20.000	1.219.057.426	1.120.000.000	27.000	1.798.351.698	1.431.000.000
NVL	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Địa ốc Nova	20.006	1.147.078.441	1.190.357.000	28.006	1.690.556.136	1.797.985.200
HVN	Tổng Công ty Cổ phần Hàng không Việt Nam	30.000	1.089.248.274	1.012.500.000	-	-	-
DXG	CTCP Tập đoàn Đất Xanh	53.000	825.912.019	768.500.000	-	-	-
EIB	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	40.000	665.662.999	712.000.000	40.000	566.598.625	562.000.000
MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	9.000	621.491.326	508.500.000	55.000	2.596.288.203	2.712.500.000
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	57.000	617.563.743	572.850.000	88.000	1.102.730.049	1.051.600.000
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	8.000	613.078.240	548.800.000	-	-	-
TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	27.000	608.800.807	568.350.000	-	-	-
DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	25.000	587.880.500	582.500.000	39.000	945.554.447	838.500.000
NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	22.000	581.876.970	476.300.000	60.000	1.534.648.709	1.476.000.000
VCG	Tổng CTCP Xuất nhập khẩu & Xây dựng Việt Nam	20.000	546.819.000	538.000.000	-	-	-
VSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	15.000	528.959.226	408.750.000	35.000	1.368.356.604	1.419.250.000
PVT	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	30.000	515.271.750	504.000.000	10.000	177.856.585	157.000.000
PPC	CTCP Nhiệt điện Phả Lại	20.000	514.768.329	538.000.000	-	-	-
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	63.000	511.364.798	492.030.000	-	-	-
SSI	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	15.000	353.779.875	270.750.000	16.000	450.274.400	426.400.000
HCM	CTCP Chứng khoán Hồ Chí Minh	10.000	245.006.960	213.500.000	-	-	-
PVD	Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan	15.000	228.592.375	225.750.000	39.000	664.845.775	569.400.000



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**21. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	240.418.000	181.709.000
Phải thu bán cổ phiếu	757.815.569	342.535.425
	998.233.569	524.244.425

**22. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	5.839.166.602	6.528.595.550
Phải trả mua cổ phiếu	6.099.235.150	1.019.226.550
	11.938.401.752	7.547.822.100

**23. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh**

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	40.836.219.049	38.009.169.067
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (i)	1.207.229.174	-
	42.043.448.223	38.009.169.067

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ” hoặc “DFVN-CAF”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2019 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	80.870.153.926

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý quỹ mở là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí quản lý quỹ mở được tính (trích lập) tại các kỳ định giá dựa trên giá trị tài sản ròng trước phí tại ngày trước ngày định giá. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

#### 24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	4.855.321.473	3.543.914.746
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	123.158	-
	4.855.444.631	3.543.914.746

#### 25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Lương và các chi phí theo lương	17.782.562.185	13.990.289.840
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	5.041.204.632	4.115.281.903
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	2.965.964.477	2.777.473.974
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.136.420.421	1.068.205.703
Chi phí công tác, vận chuyển	669.238.682	573.851.179
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	145.000.000
Thuế và phí khác	48.524.000	25.000.000
Chi phí khác	104.156.160	86.505.160
	27.893.070.557	22.781.607.759

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	3.944.949.533	3.972.612.594
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	48.485.648	(184.693.032)
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.993.435.181</b>	<b>3.787.919.562</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2019</b>	<b>2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.917.325.601	18.771.476.054
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.783.465.120	3.754.295.212
Chi phí không được khấu trừ thuế	209.970.061	91.624.351
Thay đổi chi phí trích trước	(77.485.648)	97.693.031
Thay đổi quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	29.000.000	29.000.000
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	48.485.648	(184.693.032)
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.993.435.181</b>	<b>3.787.919.562</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**(a) Giao dịch phát sinh trong năm**

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2019 VND	2018 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	40.836.219.049	38.009.169.067
Chi phí trả hộ Công ty	19.493.338.595	16.017.086.227
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	1.207.229.174	-

**(b) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i> <i>("DLVN") – Công ty mẹ</i>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	5.839.166.602	6.528.595.550
<i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN – CAF") –</i> <i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	102.482.379	-

**Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 20, Thuyết minh 21, Thuyết minh 22 và Thuyết minh 23.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

## 28. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

### (a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

#### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.394.169.792	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	71.700.000.000	56.900.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iv)	5.941.648.981	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	4.458.468.772	4.689.564.474
Phải thu dài hạn khác	(iv)	5.000.000	606.500.000
		<hr/>	<hr/>
		83.499.287.545	68.846.932.164

#### (ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

#### (iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác**

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.877.684.826	4.877.684.826	4.877.684.826	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	316.833.542	316.833.542	316.833.542	-	-
	5.194.518.368	5.194.518.368	5.194.518.368	-	-

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Phải trả người bán	647.766.842	647.766.842	647.766.842	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.018.016.064	4.018.016.064	4.018.016.064	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	197.249.382	197.249.382	197.249.382	-	-
	4.863.032.288	4.863.032.288	4.863.032.288	-	-



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	31/12/2018 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền gửi ngân hàng	1.394.169.792	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	61.500.000.000	56.900.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	10.200.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	73.094.169.792	57.022.272.140

**(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B09 – CTQ  
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC  
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

**(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	71.200.000.000	71.200.000.000	56.900.000.000	56.900.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.394.169.792	1.394.169.792	122.272.140	122.272.140
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.941.648.981	5.941.648.981	6.528.595.550	6.528.595.550
▪ Phải thu ngắn hạn khác	4.458.468.772	4.458.468.772	4.689.564.474	4.689.564.474
▪ Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	606.500.000	606.500.000
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	(647.766.842)	(647.766.842)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(4.877.684.826)	(4.877.684.826)	(4.018.016.064)	(4.018.016.064)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(316.833.542)	(316.833.542)	(197.249.382)	(197.249.382)

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B09 – CTQ**  
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC*  
*ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

**Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc năm kế toán.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
*Kế toán tổng hợp*  
*kiêm Kế toán trưởng*



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh  
*Tổng Giám đốc*



